

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2020/HS-ST**
Ngày 06/5/2020

**N D A N H
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bích Thị Kim Pháp

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Dương Khắc Hùng – Phó bí thư huyện Đoàn T
2. Ông Phạm Lê Thụy – Giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện T, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2020/TLST - HS, ngày 07 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/HSST-QĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị Mỹ Nh (Tên gọi khác: La Chì); giới tính: Nữ; sinh năm 1982; tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố 10, thị trấn L, huyện T, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm Thuê; trình độ học vấn: 06/12; con ông: Lê Trường T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; chồng Trần Văn T, sinh năm 1975 và 02 con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002); tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (từ ngày 13/12/2019 đến ngày 09/3/2020); bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1/ Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Khu phố 05, thị trấn L, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 12 giờ ngày 13.10.2019 Lê Thị Mỹ Nh, điều khiển xe mô tô loại Wave màu đỏ biển số 86R1 – 2419 đến chợ L mua đồ dùng sinh hoạt. Khi đến ki ốt bán hàng của Đỗ Thị K trong chợ L, Nh thấy không có ai trông coi, tại ki ốt có để một hộp gỗ kích thước 60 x 40cm, nghi có tài sản bên trong nên Nh lén lút lấy trộm thùng gỗ rồi dùng áo khoác màu vàng đang mặc trên người phủ che thùng gỗ lại rồi mang để lên xe mô tô biển số 86B1 - 2419 điều khiển chạy đến khu vực dưới chân cầu Đại Hòa mở ra lấy số tiền khoảng 80.000.000 đồng bỏ vào túi áo khoác của Nh, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9, 01 chiếc ví nữ bên trong có số tiền 7.370.000 đồng, Nh lấy điện thoại và ví nữ bỏ vào túi nylon màu đen treo lên xe mô tô của mình rồi chạy về lại chợ L để nghe ngóng tình hình. Khi đến chợ L, Nh phát hiện túi nylon chứa điện thoại di động, ví đựng tiền bị rơi mất lúc nào không rõ. Số tiền trộm cắp được Nh dùng để trả nợ, đầu huê và chi tiêu cho cá Nh hết 11.950.000 đồng. Khi phát hiện bị mất tài sản Đỗ Thị K đã làm đơn tố cáo đến Công an huyện T.

Khi Nh trộm cắp tài sản thì có camera an ninh tại khu vực chợ ghi lại hình ảnh Nh trộm cắp tài sản của K và được phát tán lên mạng xã hội, nên tối ngày 13.10.2019 Nh lấy áo khoác, đồ mặc trên người và găng tay lúc đi trộm cắp bỏ vào thùng rác nhằm tránh sự phát hiện. Sáng ngày 14.10.2019 Nh nghe tin Công an đang truy tìm xe mô tô của Nh dùng để trộm cắp tài sản nên Nh điều khiển xe mô tô loại Wave màu đỏ biển số 86R1 – 2419 đến khu vực núi thôn M, xã P gỡ biển số, rút ống dẫn xăng châm lửa đốt toàn bộ chiếc xe cùng giấy đăng ký xe, riêng biển số xe Nh đem về nhà cất giấu.

Ngày 14.10.2019 mẹ của Nh là Nguyễn Thị T biết được Nh đã trộm cắp tài sản của K nên Nh đã đưa toàn bộ số tiền trộm cắp còn lại cho bà T để trả cho K cùng với chiếc túi nylon chứa điện thoại di động, chiếc ví nữ bên trong có số tiền 7.370.000 đồng do T nhặt được tại trước cổng chợ L vào ngày 13.10.2019 trả lại cho K.

Đến ngày 15.10.2019 Lê Thị Mỹ Nh đã đến Công an huyện T đầu thú khai nhận toàn bộ hành động phạm tội của mình và giao nộp biển số xe mô tô 86R1 – 2419.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 92/KL-HĐĐG ngày 05.11.2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 chiếc điện thoại hiệu Oppo F9, màu xanh đen trị giá 4.490.000 đồng/chiếc x 70% = 3.143.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Lê Thị Mỹ Nh trộm cắp của Đỗ Thị K là 90.513.000 đồng.

Về các tang vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã thu giữ chiếc xe mô tô của Lê Thị Mỹ Nh bị đốt cháy chỉ còn lại trơ khung sắt, một phần lớp bánh trước và sau, 01 biển số xe mô tô 86R1 – 2419 chuyển vào kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Riêng chiếc thùng gỗ chứa tài sản của K đã mất không thu giữ được.

Đối với USB trích xuất từ camera an ninh ghi hình ảnh Lê Thị Mỹ Nh trộm cắp tài sản của Đỗ Thị K được lưu giữ kèm theo hồ sơ.

Về bồi thường dân sự: Sau khi định giá Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã trao trả lại điện thoại hiệu Oppo F9, màu xanh đen, ví nữ bên trong có số tiền 7.370.000 đồng cho Đỗ Thị K. Giữa bị cáo Lê Thị Mỹ Nh và bị hại Đỗ Thị K đã thỏa thuận bồi thường số tiền bị mất là 87.370.000 đồng, bị hại Đỗ Thị K đã nhận lại

số tiền này và không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Thị Mỹ Nh về tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ Nh từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng đến 48 (Bốn mươi tám) tháng.

Về các tang vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc xe mô tô của bị cáo Lê Thị Mỹ Nh bị đốt cháy chỉ còn lại trơ khung sắt, một phần lốp bánh trước và sau, 01 biển số xe mô tô 86R1 – 2419 chuyển vào kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Riêng chiếc thùng gỗ chứa tài sản của bị hại Đỗ Thị K đã mất không thu giữ được nên không xem xét.

Đối với USB trích xuất từ camera an ninh ghi hình ảnh bị cáo Lê Thị Mỹ Nh trộm cắp tài sản được lưu giữ kèm theo hồ sơ.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị hại Đỗ Thị K đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất cắp. Đồng thời, bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Mỹ Nh thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện cải tạo làm công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo khẳng định những lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị bức cung, ép cung và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng pháp luật, không oan sai. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị

cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 12 giờ ngày 13.10.2019 bị cáo Lê Thị Mỹ Nh, điều khiển xe mô tô loại Wave màu đỏ biển số 86R1 – 2419 đến chợ L mua đồ dùng sinh hoạt. Khi đến kiốt bán hàng của Đỗ Thị K trong chợ L không có ai trông coi, tại kiốt có để một hộp gỗ, nghi có tài sản bên trong nên bị cáo lén lút lấy trộm thùng gỗ rồi dùng áo khoác màu vàng đang mặc trên người phủ che thùng gỗ lại rồi mang đi lên xe mô tô biển số 86B1 - 2419 điều khiển chạy đến khu vực dưới chân cầu Đại Hòa mở ra lấy số tiền khoảng 80.000.000 đồng bỏ vào túi áo khoác của bị cáo, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9, 01 chiếc ví nữ bên trong có số tiền 7.370.000 đồng. Số tiền trộm cắp được bị cáo dùng để trả nợ, đầu huê và chi tiêu cho cá Nh hết 11.950.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 92/KL-HĐĐG ngày 05.11.2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 chiếc điện thoại hiệu Oppo F9, màu xanh đen trị giá 4.490.000 đồng/chiếc x 70% = 3.143.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Lê Thị Mỹ Nh trộm cắp là 90.513.000 đồng.

Vì vậy, bản cáo trạng số: 33/CT-VKSTP-HS ngày 06/4/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố bị cáo Lê Thị Mỹ Nh về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Lê Thị Mỹ Nh là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì bản tính tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài và để trả tiền nợ cho những chủ nợ. Hậu quả bị cáo đã trộm được tiền và điện thoại tổng cộng 90.513.000 đồng của bị hại Đỗ Thị K. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về quyền sở hữu tài sản của người khác trên địa bàn huyện T nói riêng và toàn tỉnh B nói chung nên cần xử lý bị cáo Nh mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nh không có.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nh có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo nhất thời phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi và trao trả cho bị hại, bị hại có đơn xin không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đồng thời, bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và bị cáo đã tự đến cơ quan điều tra đầu thú. Do đó, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 nên đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử bị cáo dưới khung

hình phạt liền kề để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật tạo điều kiện để bị cáo cải tạo, giáo dục thành người công dân tốt. Bị cáo có Nh thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có khả năng tự cải tạo nên việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết. Xét thấy, bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo nên cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và điều luật đề nghị áp dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 xe mô tô đã bị đốt cháy chỉ còn lại phân khung sắt và một phân lớp bánh trước và sau; số khung SMSWCH BHG7H 018905; số máy: VHGS152FMH 0189905 và biển số 86R1 – 2419 vì giá trị sử dụng không còn.

Riêng chiếc thùng gỗ chứa tài sản của bị hại Đỗ Thị K đã mất không thu giữ được nên không xem xét.

Đối với USB trích xuất từ camera an ninh ghi hình ảnh bị cáo Lê Thị Mỹ Nh trộm cắp tài sản được lưu giữ kèm theo hồ sơ.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đã xử lý xong nên không đề cập xử lý.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Mỹ Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Mỹ Nh 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 06/5/2020).

Giao bị cáo Lê Thị Mỹ Nh cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh B giám sát trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nh thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lê Thị Mỹ Nh cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Thị Mỹ Nh phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Phần xử lý tang vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 xe mô tô đã bị đốt cháy chỉ còn lại phân khung sắt và một phân lớp bánh trước và sau; số khung SMSWCH BHG7H 018905; số máy:

VHGS152FMH 0189905 và biển số 86R1 – 2419 vì giá trị sử dụng không còn (Vật chứng được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ngày 09/4/2020).

Riêng chiếc thùng gỗ chứa tài sản của bị hại Đỗ Thị K đã mất không thu giữ được nên không xem xét.

Đối với USB trích xuất từ camera an ninh ghi hình ảnh bị cáo Lê Thị Mỹ Nh trộm cắp tài sản được lưu giữ kèm theo hồ sơ.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Mỹ Nh phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/5/2020).

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

(Đã giải thích chế độ án treo).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS (tỉnh + huyện);
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Bích Thị Kim Pháp